

**CÔNG TY TNHH THỂ DỤC THỂ THAO VIỆT ANH**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THỂ DỤC THỂ THAO VIỆT ANH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0107843228

**3. Ngày thành lập:** 12/05/2017

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Thôn Nhị Khê, Xã Nhị Khê, Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0162 6852 023

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                     | Mã ngành    |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa                                                                           | 1050        |
| 2.  | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                             | 4721        |
| 3.  | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                              | 4722        |
| 4.  | Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ                                                      | 4782        |
| 5.  | Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia                                                                            | 1103        |
| 6.  | Sản xuất bao bì bằng gỗ                                                                                       | 1623        |
| 7.  | Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện                      | 1629        |
| 8.  | Đóng thuyền, xuồng thể thao và giải trí                                                                       | 3012        |
| 9.  | Bán buôn thực phẩm                                                                                            | 4632        |
| 10. | Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                | 4774        |
| 11. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ                              | 4781        |
| 12. | Hoạt động của các cơ sở thể thao<br>Chi tiết: Bể bơi                                                          | 9311(Chính) |
| 13. | Hoạt động thể thao khác                                                                                       | 9319        |
| 14. | Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề                                                 | 9321        |
| 15. | Sản xuất đồ gỗ xây dựng                                                                                       | 1622        |
| 16. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...) | 5621        |
| 17. | Dịch vụ ăn uống khác                                                                                          | 5629        |
| 18. | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                                                       | 5630        |
| 19. | Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh                                                                 | 1101        |
| 20. | Sản xuất rượu vang                                                                                            | 1102        |

|     |                                                                                                                                                                         |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 21. | Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng                                                                                                                                 | 1104 |
| 22. | Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác                                                                                                                       | 1621 |
| 23. | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế                                                                                                                                           | 3100 |
| 24. | Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao                                                                                                                                      | 3230 |
| 25. | Sản xuất khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                    | 3290 |
| 26. | Đại lý, môi giới, đấu giá                                                                                                                                               | 4610 |
| 27. | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                        | 4633 |
| 28. | Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép                                                                                                                                    | 4641 |
| 29. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                                                      | 4649 |
| 30. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                 | 4663 |
| 31. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                    | 4711 |
| 32. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                      | 4719 |
| 33. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                          | 4723 |
| 34. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                    | 4752 |
| 35. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759 |
| 36. | Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                              | 4763 |
| 37. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                | 4773 |
| 38. | Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                              | 4789 |
| 39. | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                            | 4799 |
| 40. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                        | 5610 |
| 41. | Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí                                                                                                                           | 7721 |
| 42. | Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác                                                                                                                               | 7729 |
| 43. | Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                 | 9329 |
| 44. | Sửa chữa đồ dùng cá nhân và gia đình khác                                                                                                                               | 9529 |

**6. Vốn điều lệ:** 1.500.000.000 VNĐ

### **7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: LÊ DUY THI

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 17/05/1983

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 111979724

Ngày cấp: 17/08/2012

Nơi cấp: Công an TP Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Nhị Khê, Xã Nhị Khê, Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Thôn Nhị Khê, Xã Nhị Khê, Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: LÊ DUY THI

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *17/05/1983*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *111979724*

Ngày cấp: *17/08/2012*

Nơi cấp: *Công an TP Hà Nội*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Thôn Nhị Khê, Xã Nhị Khê, Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Thôn Nhị Khê, Xã Nhị Khê, Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: *Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội*